

MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ HỆ THỐNG ĐÊ BAO, BỜ BAO KIỂM SOÁT LŨ HIỆN NAY Ở VÙNG NGẬP LŨ ĐBSCL

SOME CONSIDERATIONS OF RECENT SURROUNDING DIKE SYSTEMS, DIKE BANK TO FLOOD CONTROL IN THE FLOOD AREAS OF THE MEKONG DELTA

**GS.TS. Trần Như Hối
KS. Lê Khánh Chiên**

TÓM TẮT

Bài viết trình bày một số nhận xét về tác động của hệ thống đê bao, bờ bao hiện trạng đối với hiệu quả kiểm soát lũ, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường theo tiêu chí phát triển bền vững vùng ngập lũ ĐBSCL.

ABSTRACT

The paper has presented some considerations of surrounding dike systems, dike bank, the real condition to the flood control effectiveness, socio-economical development and environmental protection in terms of sustainable development in the flood areas of the Mekong delta.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc đắp đê bao, bờ bao tuy ban đầu là tự phát của nông dân nhưng về sau đã được sự chỉ đạo của ngành thủy lợi và các địa phương, đặc biệt là từ khi có quy hoạch lũ ĐBSCL nên nhìn chung hệ thống đê bao, bờ bao đã mang lại nhiều hiệu quả về bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân và phát triển sản xuất trong vùng ngập lũ. Tuy nhiên hệ thống đê bao, bờ bao đã có cũng còn nhiều tồn tại và bất cập.

II. HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG ĐÊ BAO BỜ BAO VÙNG NGẬP LŨ ĐBSCL

II.1. Các tuyến đê kiểm soát lũ cho các vùng lớn

II.1.1. Tuyến kiểm soát lũ tràn biên giới vào vùng TGLX

Đến năm 2000 thì tuyến đê kiểm soát lũ tràn biên giới vào vùng TGLX hoàn thành. Về tuyến có một điểm khác so với quy hoạch là đoạn từ Châu Đốc đến Tịnh Biên không đi theo quốc lộ N₁ như quy hoạch đề ra mà nay theo bờ nam kênh Vĩnh Tế. Về công trình dưới đê thì có sự thay đổi là 2 cống Trà Sư và Tha La được thay bằng các đập cao su. Tuy nhiên quy trình vận hành

của các đập này vẫn theo đúng như quy hoạch, có nghĩa là đầu và cuối mùa lũ đóng lại để ngăn lũ tràn biên giới vào vùng TGLX, giữa mùa lũ mở ra để tránh dâng mức nước vùng biên giới.

Tuyến đê xây dựng đúng cao trình thiết kế, ngoài hai đập cao su Trà Sư, Tha La các công trình kiểm soát lũ ở đầu các kênh phía Hà Tiên chưa được xây dựng. Tuyến này đã cho hiệu quả tốt.

II.1.2. Tuyến kiểm soát lũ tràn biên giới vào vùng ĐTM Tân Thành-Lò Gạch

Tuyến được bắt đầu hình thành từ khi đào kênh Tân Thành-Lò Gạch. Nhưng được củng cố và phát triển trong thời gian gần đây, khi quyết định dùng tuyến này làm tuyến kiểm soát lũ tràn biên giới vào ĐTM. Hiện nay đoạn đầu từ đầu kênh đến cầu Cái Cái đã đảm bảo cao trình kiểm soát lũ và bề rộng; đoạn từ cầu Cái Cái đến kênh Hai Tám chưa đạt cao trình cũng như bề rộng. Các công trình kiểm soát lũ và cống lấy nước tưới dưới đê chưa được xây dựng. Vì vậy hiệu quả về kiểm soát lũ còn rất hạn chế.

II.1.3. Tuyến nam kênh Vĩnh An

Tuyến này trùng với con đường đi từ Tân Châu sang Châu Đốc, đã được tôn cao vượt lũ. Thực tế hiện nay khu vực giữa kênh Vĩnh An và kênh Tân Châu – Châu Đốc phần lớn diện tích đã đắp bờ bao khép kín với chiều cao đê kiểm soát lũ cả năm, bờ Nam kênh Tân Châu – Châu Đốc cũng được tôn cao vượt lũ và trở thành tuyến kiểm soát lũ tràn biên giới cho vùng GSTSH.

II.1.4. Các tuyến dọc sông Tiền, sông Hậu

Các tuyến dọc sông Tiền, sông Hậu đều trùng với các đường giao thông đã xây dựng. Hiện nay các con đường bờ tả và bờ hữu sông Tiền vừa được tôn tạo với cao trình vượt lũ; ở dọc sông Hậu thì tuyến bờ hữu đã được tôn tạo với cao trình vượt lũ, tuyến bờ tả chưa được tôn tạo xong nên có chỗ đủ cao trình vượt lũ, có chỗ chưa đủ cao trình vượt lũ.

II.1.5. Tuyến kiểm soát lũ tràn từ vùng TGLX vào vùng TSH

Tuyến này trùng với quốc lộ 80, đã được tôn cao vượt lũ, nhưng các công trình kiểm soát lũ chưa được xây dựng nên chưa có tác dụng nhiều trong việc giảm lũ vào vùng TSH.

II.1.6. Tuyến kiểm soát lũ bờ nam kênh Nguyễn Văn Tiếp

Tuyến này kết hợp làm đường giao thông, đã được tôn cao vượt lũ.

Ngoài ra ở vùng ngập lũ ĐBSCL còn có nhiều tuyến đường như quốc lộ 62, quốc lộ 1A, quốc lộ 63, quốc lộ 80 (đoạn Rạch Giá-Hà Tiên), đường Cô Tô - Núi Sập, đường nam kênh Mạc Cần Dưng đều có cao trình vượt lũ nhưng các

cầu chưa đủ khẩu độ thoát lũ nên đã làm hạn chế việc thoát lũ, gây cản lũ. Ở ĐTM các tuyến đê bờ nam kênh Hồng Ngự, kênh Đồng Tiến-Lagrange cũng được tôn cao trong đó có đoạn có cao trình vượt lũ, có đoạn chưa vượt lũ nên ít nhiều cũng gây cản lũ về hạ lưu. Tuy nhiên các tuyến này cũng tạo nên các bậc cản làm chậm lũ cho hạ lưu.

II.2. Đê bao, bờ bao kiểm soát lũ nội đồng

II.2.1. Vùng I (vùng phía bắc tuyến kiểm soát lũ tràn biên giới)

a. Tiểu vùng Ia (Bắc kênh Vĩnh Tế- rạch Giang Thành)

Sản xuất nông nghiệp ở đây là canh tác 2 vụ Đông Xuân + Hè Thu nên hệ thống bờ bao kiểm soát lũ chỉ có nhiệm vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ở trên tiểu vùng này đã hình thành hệ thống kênh lấy nước từ kênh Vĩnh Tế với khoảng cách giữa các kênh khoảng 500-1.000m. Hệ thống bờ bao được xây dựng là bờ bao thấp với chiều cao khoảng 0,8-1,0m và có quy mô nhỏ khoảng 200-500ha. Hệ thống bờ bao này đã có tác dụng tốt trong việc bảo vệ lúa Hè Thu.

b. Tiểu vùng Ib (Bắc kênh Vĩnh An)

Theo quy hoạch thì đây là khu vực không kiểm soát lũ mà chủ yếu là né tránh lũ, lúa Hè Thu phải làm sớm đồng thời có bờ bao thấp để bảo vệ. Tuy nhiên thực tế diễn biến rất phức tạp không như quy hoạch đã đề ra.

Hiện nay phần phía đông kênh Năm Xã đã xây dựng hệ thống đê kiểm soát lũ cả năm. Phạm vi bao ô là theo kênh Năm Xã và các kênh cấp I. Bờ đông của kênh Đông, kênh Năm Xã là tuyến bố trí dân cư, có cao trình vượt lũ. Phần phía tây kênh Đông, kênh Năm Xã đắp bờ bao kiểm soát lũ tháng 8, phạm vi ô bao là giữa các kênh cấp I. Phần diện tích giữa sông Hậu và sông Châu Đốc có nhiều ô bao đê kiểm soát lũ cả năm, quy mô ô bao khoảng 300-500ha.

Thực tế hệ thống đê bao, bờ bao kiểm soát lũ ở đây đã phát huy hiệu quả tốt trong việc bảo vệ mùa màng, phát triển sản xuất. Ở những nơi kiểm soát lũ cả năm làm được 3 vụ lúa-màu; nơi kiểm soát tháng 8 làm được 2 vụ. Tuy nhiên hiện nay có vấn đề xảy ra là ở kênh Đông, đầu kênh Năm Xã và một số kênh cấp I xói lở gia tăng, không hiểu có phải là do bao đê cao làm mất dòng chảy tràn trên mặt nên dòng chảy trên kênh từ phía sông Tiền sang sông Hậu mạnh hơn làm sinh ra xói lở hay không.

c. Tiểu vùng Ic (Bắc kênh Tân Thành-Lò Gạch)

Chế độ canh tác chủ yếu của tiểu vùng này hiện nay là làm 2 vụ lúa Hè Thu + lúa Đông Xuân. Để tránh lũ, lúa Hè Thu được gieo sạ vào giữa tháng 4 và thu hoạch trước tháng 8. Hệ thống bờ bao hiện có là hệ thống bờ bao thấp chống lũ cho lúa Hè Thu. Chiều cao bờ bao khoảng 0,8-1,0m. Phần

lớn diện tích có quy mô bao khoảng 50-500ha. Một số gò đất cao dùng bơm tưới tiêu tập trung thì có quy mô khoảng 300ha-1.500ha. Hiện nay phần lớn diện tích canh tác đã có bờ bao kiểm soát lũ nhưng chất lượng còn kém.

II.2.2. Vùng kiểm soát lũ theo thời gian

a. Tiểu vùng IIa (TGLX)

Ở vùng TGLX, nhìn chung đại bộ phận diện tích canh tác đã có hệ thống bờ bao kiểm soát lũ. Tuy nhiên đa phần chỉ mới xây dựng tuyến bờ bao, thiếu cống bọng. Về quy mô, chủ yếu là bao theo hệ thống kênh cấp I, Cấp II.

Các khu vực thuộc Kiên Giang ô bao được giới bởi 2 kênh cấp II (khoảng 500-1.000 ha). Các khu vực thuộc An Giang ô bao thường có phạm vi là giữa 3 kênh cấp II với diện tích bao khoảng 800-1.500ha. Ở đây một kênh cấp II ở giữa được sử dụng làm trục tưới tiêu cho ô bao, hai đầu kênh có cống. Bơm tưới tiêu có thể là trạm bơm (hoặc điểm bơm) cố định hay bơm thuyền.

Theo quy hoạch thì hệ thống bờ bao nội đồng ở vùng TGLX đáp theo tiêu chuẩn kiểm soát lũ tháng 8 để bảo vệ lúa Hè Thu nhưng hiện nay nhiều nơi ở khu vực ven sông Hậu từ kênh 7 trở ra và khu vực huyện Thoại Sơn có hệ thống bờ bao được xây dựng theo tiêu chuẩn kiểm soát cả năm để đưa các khu vực này có thể chủ động sản xuất quanh năm. Chiều cao của bờ bao khoảng 3,0-3,5m. Các khu vực khác vẫn theo tiêu chuẩn kiểm soát lũ tháng 8. Ở khu vực trung tâm TGLX có chiều cao khoảng 2,0-2,5m, ở khu vực Hà Tiên và ven biển có chiều cao khoảng 1,5-2,0m.

Trên địa bàn thuộc tỉnh Kiên Giang, ở vùng Tứ Giác Hà Tiên một số nơi nuôi trồng thủy sản bờ bao cũng được tôn cao vượt lũ chính vụ để phục vụ việc nuôi tôm.

Ở vùng TGLX khi có tuyến kiểm soát lũ tràn biên giới thì mức nước trong vùng giảm đáng kể nên chiều cao bờ bao thấp hơn ở ĐTM. Trong mấy năm qua hệ thống đê bao, bờ bao ở đây đã bảo vệ được lúa Hè Thu, tạo điều kiện tốt cho việc bơm vơi đầu vụ Đông Xuân. Ở khu vực bao ô kiểm soát lũ cả năm đã tạo điều kiện tốt cho việc tăng vụ nên ở khu vực ven sông Hậu trong vài năm lại đây nhiều nơi đã canh tác 3 vụ. Nhìn chung hệ thống đê bao, bờ bao chưa gây tác hại gì lớn.

b. Tiểu vùng IIb (nam Tân Thành-Lò Gạch bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp)

Ở tiểu vùng này, đại bộ phận diện tích đều xây dựng hệ thống bờ bao kiểm soát lũ tháng 8 để bảo vệ lúa Hè Thu, cũng có một vài nơi thuộc huyện Thập Mười, vùng Bốn Tân Thạnh có một số diện tích bao ô kiểm soát lũ cả năm để làm 3 vụ. Ở huyện Tân Hồng cũng có một khu vực được bao đê kiểm soát lũ cả năm làm 3 vụ lúa với diện tích khoảng 1.000ha. Hiện nay ở ĐTM

đã có hơn 80% diện tích canh tác có bờ bao kiểm soát lũ.

Nhìn chung ở vùng kiểm soát lũ theo thời gian của ĐTM hiện nay có quy mô ô bao kiểm soát lũ theo kênh cấp II - cấp III là chủ yếu, với diện tích khoảng 20-50ha. Chiều cao bờ bao khoảng 2,0-3,0m, bề mặt rộng khoảng 1,0-1,5m. Do bị lũ làm sạt lở hư hỏng nhiều hàng năm nên chất lượng thấp, rất thiếu cống bọng.

II.2.3. Vùng III (vùng kiểm soát lũ cả năm)

a. Tiểu vùng IIIa (TSH)

Theo quy hoạch thì khu vực phía Tây quốc lộ 91 bao theo 3 khu dự án là Cái Sắn-Thốt Nốt, Thốt Nốt-Ô Môn và Ô Môn-Xà No, các khu vực còn lại bao ô kiểm soát lũ cả năm theo quy mô nhỏ, chủ yếu là theo hệ thống kênh cấp II với diện tích khoảng 300-3.000ha. Nhưng thực tế hiện nay diễn biến khá phức tạp.

Với 3 khu dự án, chưa có khu nào thực hiện bao ô khép kín toàn khu. Toàn tiểu vùng TSH vẫn đang tiến hành bao ô theo quy mô nhỏ và có sự khác nhau ở từng nơi.

Ở những nơi sản xuất 3 vụ đã lên đê bao kiểm soát lũ cả năm, những nơi còn sản xuất 2 vụ thì lên bờ bao theo mức chống lũ tháng 8 để bảo vệ lúa Hè Thu. Hình thức bao vẫn theo kênh cấp II, cấp III là chính với quy mô ô bao khoảng 50-500ha.

Ở khu vực phía đông dự án Cái Sắn-Thốt Nốt đang phát triển mô hình sản xuất 2 lúa + 1 cá. Ở đây hệ thống bờ bao vẫn duy trì ở mức chống lũ tháng 8, trong thời kỳ lũ cao căng lưới vây quanh để nuôi cá.

Ở khu vực ven sông Hậu có nhiều cây ăn trái, được bao đê kiểm soát lũ cả năm, quy mô ô bao phổ biến từ 30-1.000ha.

Ở khu vực Cần Thơ – Long Mỹ cũng được bao theo ô nhỏ với quy mô ô bao khoảng 50-1.000ha, đa số là dưới 500ha.

Nhìn chung trên đất canh tác đều đã có hệ thống đê bao kiểm soát lũ nhưng chất lượng còn thấp, thiếu hệ thống cống bọng nên chưa hoàn toàn chủ động trong việc kiểm soát lũ, việc lợi dụng thủy triều tưới tiêu hiệu quả còn thấp, và hàng năm phải đào ra đắp vào rất tốn kém.

b. Tiểu vùng IIIb (GSTSH)

+ Khu Thần Nông

Ở khu vực giữa kênh Tân Châu-Châu Đốc và kênh Vĩnh An, phần lớn diện tích đã được bao đê khép kín với đê bao kiểm soát lũ cả năm.

Ở Dự án Thần Nông (dự án Bắc Vàm Nao), cũng đã được bao đê khép

kín kiểm soát lũ cả năm.

Tuy nhiên cả 2 ô số cống bọng xây dựng được còn thiếu nhiều.

+ Khu Chợ Mới

Theo quy hoạch lũ thì khu này được bao theo 3 ô khép kín kiểm soát lũ cả năm là: Tây Rạch Ông Chưởng, Đông Rạch Ông Chưởng và khu vực kênh Long An. Hệ thống đê bao được kết hợp làm đường giao thông nông thôn. Tuy nhiên hiện nay được bao thành 70 ô. Quy mô ô bao phổ biến là 300-600ha. Qua nhiều mùa lũ thấy rằng hệ thống đê bao bảo vệ an toàn cho sản xuất nhưng do manh mún quá nên khó quản lý, khó kiên cố hóa, và rất khó trong việc kết hợp làm đường giao thông nông thôn. Do thiếu cống bọng nên không chủ động được trong việc lấy phù sa, lợi dụng lũ vệ sinh đồng ruộng, có nơi đất có xu thế nghèo dần chất dinh dưỡng dẫn đến năng suất giảm.

+ Khu Bắc Măng Thít

Hiện nay cả vùng đều bao theo ô nhỏ. Phần lớn có quy mô ô bao khoảng từ 30-500ha. Hệ thống bờ bao do dân xây dựng là chính nên chất lượng còn thấp, thiếu cống bọng, gặp năm lũ to vẫn có thiệt hại kể cả cây ăn trái nhưng không nhiều.

+ Khu Bến Tre

Hầu hết diện tích đã có hệ thống bờ bao kiểm soát lũ theo quy mô nhỏ. Diện tích mỗi ô khoảng 50-1.000ha. Diện tích cây ăn trái chủ yếu bao theo quy mô hộ và liên hộ (20-300ha).

+ Các cù lao

Theo quy hoạch các cù lao cần có hệ thống đê kiểm soát lũ cả năm bao quanh nhưng đến nay có rất ít cù lao có hệ thống đê như vậy. Phần lớn các cù lao được bao theo nhiều ô với quy mô vừa và nhỏ.

c. Tiểu vùng IIIc (Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp)

Theo quy hoạch tiểu vùng Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp sẽ được bao theo 28 ô kiểm soát lũ cả năm, trừ dự án Bảo Định có diện tích 65.000ha, các ô còn lại có diện tích 1.000-5.000ha, nhưng hiện nay chỉ có một số ít ô là có quy mô trên 1.000ha. Phần lớn diện tích được bao theo ô nhỏ có diện tích dưới 500ha. Hệ thống Bảo Định đã xây thêm được các cống Bảo Định, Gò Cát và Hóc Lựu. Các cống này làm nhiệm vụ ngăn mặn, ngọt hóa kết hợp thoát lũ. Ở dự án Bảo Định vẫn bao ô theo quy mô vừa và nhỏ.

d. Tiểu vùng IIId (Đông Bo Bo – Mỹ Bình)

Theo quy hoạch thì ở đây được bao đê kiểm soát lũ dọc các kênh cấp I (các kênh T) tạo thành các ô khép kín với diện tích khoảng 2.000-4.000ha có

khả năng kiểm soát lũ cả năm. Thực tế hiện nay nhìn chung được bao ô theo quy mô nhỏ với quy mô ô bao có diện tích khoảng 200-500ha.

Theo tài liệu điều tra từ các địa phương hiện nay thì ở vùng kiểm soát lũ theo thời gian và không kiểm soát lũ (vùng I, vùng II) có gần 1.900 km đê bao ven các kênh trục và kênh cấp I với mật độ bình quân khoảng 2,7m/ha, trong đó ở TGLX khoảng 2,1m/ha, ĐTM khoảng 3,5m/ha. Chiều rộng của các đê bao này khoảng 2-10m, tùy theo mục đích sử dụng của từng tuyến. Hệ thống đê bao này được hình thành chủ yếu trong quá trình đào nạo hệ thống kênh tưới tiêu từ thập niên 80 của thế kỷ 20 đến nay và được bồi đắp tu bổ hàng năm do nhu cầu kiểm soát lũ bảo vệ lúa Hè Thu, giao thông. Trong hệ thống đê bao này có hơn 600km là các tuyến giao thông có cao trình vượt lũ (với cao trình khoảng +4,0 đến +5,5m), còn lại có cao trình kiểm soát lũ tháng 8 để bảo vệ lúa Hè Thu. Hệ thống này đang được củng cố, tôn cao do nhu cầu phát triển giao thông nông thôn và tuyến dân cư.

Hệ thống bờ bao ven kênh cấp II, cấp III cũng phát triển để cùng với đê bao kênh cấp I tạo thành các ô kiểm soát lũ khép kín có diện tích từ 50-5.000ha. Tổng chiều dài bờ bao dọc kênh cấp II, cấp III khoảng 8.000km. Bề rộng bờ bao từ 1,5-8m tùy theo mục đích sử dụng và khả năng kinh phí đầu tư, trong đó phần lớn có chiều rộng 1,5-3,0m. Chiều cao của bờ bao từ 1-3,5m (tùy từng nơi).

Cho đến nay ở trong vùng kiểm soát lũ theo thời gian có khoảng 60.000ha được nhân dân và địa phương đầu tư nâng cấp đê bao bờ bao lên quy mô vượt lũ chính vụ, tập trung chủ yếu ở Châu Thành, Thoại Sơn, Tân Châu, An Phú của tỉnh An Giang. Việc làm này không phù hợp với quy hoạch lũ, ít nhiều đều gây cản trở dòng tràn lũ.

Các cụm, tuyến dân cư

Những thiệt hại rất lớn về người và tài sản qua các trận lũ lớn, đặc biệt là trận lũ năm 2000 dẫn đến sự cấp bách phải xây dựng nơi ở không ngập và tạo cuộc sống an toàn, ổn định cho nhân dân. Vì vậy trong khoảng từ cuối năm 2001 đến 10/2005, vùng ngập lũ ĐBSCL đã xây dựng được 728/744 cụm, tuyến dân cư. Theo đánh giá của Bộ Xây dựng thì đến nay ước tính đã hoàn thành 80% khối lượng tôn nền vượt lũ theo kế hoạch được giao. Theo báo SGGP (thứ 4 ngày 14/12/2005) thì tình hình đưa dân vào các cụm, tuyến dân cư (CTDC) ở ĐBSCL rất khả quan. Theo Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp đến nay đã có 21.063 hộ vào CTDC, trong đó 3 huyện đầu nguồn là Tân Hồng, Hồng Ngự và Tam Nông đã hoàn thành sớm chương trình CTDC. Tại An Giang, tiến độ đưa dân vào CTDC đang tăng nhanh – Trong 172 CTDC, dự kiến bố trí 34.250 hộ, đến nay trên 69% hộ vào ở. Ở Vĩnh Long, xây dựng 43 CTDC, bố trí gần 8.500 nền, các ngành chức năng đã đưa trên 50% hộ vào

sinh sống. Theo ông Nguyễn Thế Truyền, giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long, từ lúc nâng mức cho vay làm nhà từ 7 triệu đồng lên 9 triệu đồng/hộ, cộng với việc triển khai đồng loạt cơ sở hạ tầng ... thì số hộ vào CTDC tăng nhanh, dự báo từ nay đến tết âm lịch sẽ có thêm hàng ngàn hộ dân vào sinh sống ở CTDC.

III. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẬN XÉT VỀ HỆ THỐNG ĐÊ BAO, BỜ BAO KIỂM SOÁT Lũ HIỆN NAY Ở ĐBSCL

Ở trên đã trình bày thực trạng của hệ thống đê bao, bờ bao kiểm soát lũ ĐBSCL. Sau đây xin trình bày một số ý kiến nhận xét về hệ thống này.

1. Thực tế do yêu cầu của sự phát triển sản xuất và bảo vệ cuộc sống nên đê bao, bờ bao kiểm soát lũ đã được nhân dân vùng ngập lũ ĐBSCL bắt đầu xây dựng từ thập niên 60, 70 của thế kỷ XX, đến thập niên 80 bắt đầu phát triển mạnh dưới sự chỉ đạo của Bộ Thủy lợi (cũ) và các địa phương. Ở Cái Bè, Cai Lậy (Tiền Giang), Vĩnh Long, Cần Thơ từ thập niên 60 đã có nhiều hộ đắp đê ngăn lũ để bảo vệ vườn cây ăn trái; ở Chợ Mới (An Giang) cuối thập niên 70 đã được bao đê chống lũ cả năm để làm 2-3 vụ lúa; đầu thập niên 80, việc đắp đê bao chống lũ tháng 8 để sản xuất lúa Hè Thu, Đông Xuân được các hộ nông dân thực hiện ở nhiều nơi trong vùng ngập sâu để thay thế lúa nổi năng suất thấp và đã mang lại hiệu cao nên nhanh chóng được các địa phương và nhà nước chỉ đạo phát triển. Sang thập niên 90 đê bao kiểm soát lũ cả năm được phát triển mạnh ở vùng ngập nông để bảo vệ cây ăn trái và sản xuất 3 vụ/năm. Như vậy đê bao kiểm soát lũ đã xuất hiện và xây dựng ở nhiều nơi trước khi có quy hoạch lũ do nhu cầu phát triển sản xuất và bảo vệ cuộc sống của nhân dân, nhưng thực sự phát triển mạnh từ khi có quy hoạch lũ ĐBSCL.

2. Hệ thống đê bao, bờ bao kiểm soát lũ ở vùng ngập lũ ĐBSCL đã góp phần tích cực trong việc chuyển một vùng rộng lớn trên một triệu ha canh tác từ một vụ lúa nổi, lúa mùa địa phương năng suất thấp sang canh tác 2-3 vụ lúa năng suất cao, đưa sản lượng lúa vùng ngập lũ ĐBSCL từ 2,4 triệu tấn năm 1976 lên 12,6 triệu tấn năm 2003; tạo điều kiện phát triển vườn cây ăn trái, hoa màu. Ở vùng ngập sâu, hàng năm hệ thống bờ bao đã làm tốt việc bảo vệ lúa Hè Thu, góp phần quan trọng trong việc bơm vơi để xuống giống vụ Đông Xuân kịp thời vụ. Ở vùng ngập nông hệ thống đê bao, bờ bao đã tạo ra điều kiện để chủ động canh tác quanh năm, phát triển vườn cây ăn trái trên diện rộng. Nhiều tuyến đã kết hợp sử dụng giao thông nông thôn, bố trí dân cư.

3. Việc đắp đê bao, bờ bao tuy ban đầu là tự phát của nông dân nhưng về sau đã được sự chỉ đạo của ngành Thủy lợi và các địa phương, đặc biệt là từ khi có quy hoạch lũ ĐBSCL nên nhìn chung hệ thống đê bao, bờ bao kiểm soát lũ đã xây dựng tuân thủ các ý đồ chiến lược, mục tiêu nhiệm vụ mà quy hoạch lũ đã đề ra. Vì vậy gây ra rất ít các tác động xấu về dòng chảy, môi

trường cũng như các tác động xấu về kinh tế xã hội, nhưng đã mang lại hiệu quả to lớn về phát triển sản xuất, về cuộc sống cho nhân dân vùng ngập lũ.

4. Hệ thống đê kiểm soát lũ tràn biên giới vào vùng TGLX có tác dụng tốt trong việc chậm lũ, hạ thấp mức nước lũ chính vụ, giảm thời gian ngập lũ. Cũng có thể nói nhờ có hệ thống này mà ở vùng vùng TGLX nay năm lũ lớn thành lũ trung bình, lũ trung bình thành lũ nhỏ; bằng việc vận hành các cống Trà Sư, Tha La hoàn toàn có thể chủ động trong sản xuất. Mặt khác hệ thống này còn tăng cường khả năng lấy phù sa từ sông Hậu cho vùng TGLX.

5. Hệ thống đê cống ngăn mặn, thoát lũ ven biển Tây ở vùng TGLX, đã tạo ra một vùng được ngọt hoá hơn 100.000ha, tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp phát triển và cấp nước sinh hoạt cho dân. Tuy nhiên hệ thống đê cống ven biển có làm hạn chế đến việc phát triển nuôi tôm nước mặn ở khu vực này.

6. Qua một số đô thị được bao đê bảo vệ thấy rằng các hệ thống đê kiểm soát lũ đô thị là khá hiệu quả. Ở những đô thị được bao đê bảo vệ thì đã tạo được cuộc sống an toàn và ổn định cho nhân dân. Tuy nhiên, một số nơi do hệ thống bơm, cống tiêu, thoát nước đô thị chưa tốt nên có những lúc xảy ra ô nhiễm.

7. Nhìn chung đại bộ phận diện tích canh tác vùng ngập lũ ĐBSCL đã có hệ thống bờ bao kiểm soát lũ để bảo vệ mùa màng và đã mang lại nhiều hiệu quả. Tuy nhiên hệ thống đê bao, bờ bao đã có cũng còn nhiều tồn tại và bất cập. Cụ thể như sau:

- + Hệ thống bờ bao kiểm soát lũ đã có chất lượng còn thấp, còn mang tính chất tạm thời, chưa đạt các yêu cầu kỹ thuật, thiếu cống bọng. Vì vậy mức độ chủ động được trong kiểm soát lũ, tưới tiêu, lấy phù sa, vệ sinh đồng ruộng chưa cao.
- + Khối lượng và kinh phí bồi đắp tu bổ bờ bao kiểm soát lũ hàng năm là rất lớn và tốn kém, đặc biệt là ở các vùng kiểm soát lũ theo thời gian. Tại ĐTM, ở vùng kiểm soát lũ theo thời gian hàng năm có khoảng 1/4 khối lượng bờ bao bị sạt lở hư hại (chủ yếu là do sóng đánh) phải tu bổ.
- + Quy mô bao ô kiểm soát lũ nội đồng còn quá nhỏ, phổ biến là khoảng 30-500ha, trong đó đa số là 30-200ha. Với quy mô bao ô nhỏ manh mún như thế này thì việc đầu tư sẽ tốn kém, hiệu quả không cao và khó quản lý.

8. Hiện nay nhiều nơi ở trong vùng kiểm soát lũ theo thời gian nhưng nhân dân và các địa phương lại bao đê kiểm soát lũ cả năm như khu vực kênh Năm Xã, Châu Thành, Thoại Sơn (An Giang), Tân Thạnh (Long An), Tháp Mười (Đồng Tháp). Điều này ít nhiều không thể tránh khỏi ảnh hưởng cản trở dòng chảy lũ. Cũng rất có thể ở một số nơi đã làm tăng xói lở bờ sông, kênh.

9. Ảnh hưởng của đê bao kiểm soát lũ đến môi trường và sự phát triển

bền vững.

Có rất nhiều ý kiến xung quanh vấn đề ảnh hưởng của đê bao, bờ bao đến môi trường và sự phát triển bền vững. Tuy nhiên những nghiên cứu cụ thể về mặt này là chưa nhiều nên rất thiếu số liệu để minh chứng. Một số tác động của hệ thống đê bao kiểm soát lũ đến môi trường được quan sát thấy như sau:

- + Hệ thống kiểm soát lũ tràn biên giới vào vùng TGLX có tác dụng làm chậm lũ cho vùng TGLX khoảng 20-30 ngày; giảm lũ tháng 8 được khoảng 30-60cm; giảm lũ chính vụ được khoảng 20-40cm. Điều này đã giúp cho việc sản xuất lúa Hè Thu ở đây rất thuận lợi và ăn chắc, đồng thời do giảm được độ sâu ngập lụt nên sẽ giảm được chi phí đầu tư hạ tầng cơ sở. Mặt khác vào thời kỳ đầu mùa lũ (thời kỳ nước lũ nhiều phù sa) nhờ ngăn được dòng chảy từ biên giới về nên đã tạo được khả năng lấy phù sa từ sông Hậu vào nhiều hơn, xa hơn. Tuy nhiên theo điều tra của tỉnh An Giang thì thượng lưu tuyến đê mức nước có dâng cao hơn khoảng 20-30cm.
- + Nhờ hệ thống đê bao, bờ bao phát triển và nhiều nơi đã kết hợp phát triển giao thông nông thôn nên việc giao lưu đi lại của nhân dân được cải thiện nhiều. Những tuyến đường vượt lũ đã giúp giải quyết ách tắc trong việc đi lại giữa các vùng trong mùa lũ.
- + Ở vùng ngập nông nhờ kiểm soát lũ được cả năm nên cuộc sông ổn định hơn, điều kiện ăn ở, đi lại, vệ sinh môi trường tốt hơn.
- + Hệ thống đê bao, bờ bao nội đồng có nhiều tác động tích cực nhưng cũng có một số tác động tiêu cực như sau:
 - Việc đắp đê bao, bờ bao kiểm soát lũ sẽ làm hạn chế lượng nước lũ vào đồng ruộng, đặc biệt là những nơi kiểm soát lũ cả năm. Vì vậy làm giảm lượng phù sa bồi đắp cho đồng ruộng, dẫn đến dinh dưỡng bồi hàng năm sẽ bị giảm.
 - Về thủy sản nuôi trồng thì bao đê kiểm soát lũ tháng 8 và bao đê kiểm soát lũ triệt để đều có lợi cho nuôi trồng thủy sản.
 - Về chăn nuôi gia súc gia cầm thì có bao đê sẽ tốt hơn và phù hợp hơn.
 - Làm giảm khả năng rửa trôi các độc tố, khả năng lợi dụng dòng chảy lũ để vệ sinh đồng ruộng.
 - Về ô nhiễm: gia tăng khả năng bị ô nhiễm

IV. KẾT LUẬN

Hệ thống đê bao, bờ bao hiện nay, bên cạnh những tác động tích cực

thấy rõ, thì vẫn tồn tại nhiều mặt tiêu cực, do hệ thống đê bao hiện nay chưa được đồng bộ (hầu hết thiếu cống bọng), chất lượng lại thấp và thiếu linh hoạt, thiếu sự quản lý vận hành một cách khoa học nên phát huy hiệu quả chưa cao.

Các chữ viết tắt

TGSL: Tứ Giác Long Xuyên

ĐTM: Đồng Tháp Mười

GSTSH: Giữa sông Tiền sông Hậu

TSH: Tây sông Hậu

CTDC: Cụm tuyến dân cư

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Trần Như Hối và nnk.** Báo cáo tổng kết khoa học và kỹ thuật đề tài nhà nước “Nghiên cứu đề xuất các giải pháp khoa học công nghệ xây dựng hệ thống đê bao bờ bao nhằm phát triển bền vững vùng ngập lũ ĐBSCL. Tp.HCM. 12/2005.
2. **Trần Như Hối và nnk.** Đê bao vùng ngập lũ ĐBSCL. NXB. Nông nghiệp. 2005

Người phản biện: PGS.TS. Tăng Đức Thắng

